

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2025/HSST
Ngày 04- 4- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Khoa và bà Bùi Thuý Mỡ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh H - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/HSST- QĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 25/TB-TA ngày 01/4/2025 đối với các bị cáo:

1. Vũ Đình T, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1984 tại Hải Phòng; nơi ĐKTT: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố D, phường D, thành phố T, thành phố Hải Phòng); nơi ở hiện nay: Khu tập thể Q, thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Khu tập thể Q, Tổ dân phố D, phường D, thành phố T, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình H1 và bà Bùi Thị H2; có vợ là Lê Thị P và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/10/2024; có mặt.

2. Nguyễn Trí H3, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1986 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố D, phường D, thành phố T, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trí H4 và bà Bùi Thị B; có vợ là Đào Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/10/2024; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đình T:* Ông Trung Việt T1, Luật sư Văn phòng L1 chi nhánh H5 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Trần Văn T2, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố D, phường D, thành phố T, thành phố Hải Phòng); nơi ở hiện nay: Thôn Á, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố Á, phường D, thành phố T, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Bùi Minh T3, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Á, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố Á, phường D, thành phố T, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Lê Thị P; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 03/5/2023, Vũ Đình T rủ Nguyễn Trí H3 về nhà T ăn cơm và nhờ H3 chở đến khu nhà tập thể ở thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là tổ dân phố D, phường D, thành phố T, thành phố Hải Phòng). Khi đến nơi, H3 đỗ xe ở ngoài đường, T đi bộ vào khu phòng trọ của chị P (vợ T) thì gặp anh Trần Văn T2 (là khách thuê trọ) đang ngồi ở trước sân phòng trọ của chị P. T nhặt 01 con dao dài khoảng 57cm, lưỡi dao bằng kim loại, 01 lưỡi sắc ở khu vực bồn cây trước cửa khu nhà trọ, dùng phần sống dao (cạnh không có lưỡi sắc) chạy đến chém 02 nhát vào vai và lưng anh T2, anh T2 giơ tay đỡ và bị ngã. T quay dao lại dùng phần lưỡi sắc tiếp tục chém 01 đến 02 nhát về phía người anh T2 và chém 01 nhát trúng khi vực cẳng chân phải anh T2. Anh T2 vùng dậy giằng co con dao với T. Lúc này, H3 chờ lâu không thấy T đi ra và nghe thấy bên trong khu nhà trọ có người to tiếng với nhau nên đi vào xem thì thấy anh T2 đang giữ, giằng co con dao với T. H3 nhặt gạch dạng vữa bê tông (kích thước to khoảng bằng bàn tay) dưới nền sân ném về phía người anh T2. P (vợ T) chạy đến can ngăn, H3 hô lên bảo T không đánh nhau nữa và kéo T ra. T bỏ tay ra khỏi con dao cùng H3 chạy ra ngoài xe ô tô đi về. T2 cầm theo con dao chạy vào trong nhà trọ của mình.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 con dao dài 57cm, lưỡi dao bằng kim loại tối màu, bản rộng nhất 06cm, mũi dao vát nhọn chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên quản lý. 02 viên gạch (dạng vữa bê tông) H3 dùng để ném, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 525/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 17/7/2024 của Trung tâm P1 kết luận: “*Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Trần Văn T2 là: 19%. Trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết thương vùng trán đỉnh trái kích thước 07cm x*

0,2cm, trong đó sẹo vùng trán kích thước 4,5cm x 0,2cm (chiều rộng dưới 0,3cm) gây nên là 03%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết thương mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái gây nên là 02%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết xây xước da vùng lưng dưới xương bả vai gây nên là 02%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết thương mặt trước ngoài gối cẳng chân phải gây nên là 03%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương chấn động não, glasgow 14đ, điều trị ổn định gây nên là 02%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vỡ xương bả vai phải ở phần thân xương gây nên là 08%; tổn thương gãy cũ cung sau xương sườn 9 trái, không có căn cứ tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.. Các thương tích trên có đặc điểm do vật sắc tác động trực tiếp gây nên".

Kết luận giám định AND số HT246.24/PY-XNSH ngày 23/5/2024 của V – Cục Q kết luận: Tạp chất màu nâu đỏ thu giữ tại hiện trường là máu người, có AND nhiễm sắc thể thường trùng khớp với AND nhiễm sắc thể thường của Trần Văn T2; tạp chất màu nâu đỏ trên bề mặt lưỡi dao có sinh phẩm của người, có AND nhiễm sắc thể thường trùng khớp với AND nhiễm sắc thể thường của Trần Văn T2.

Tại Cáo trạng số 22/CT- VKSTN ngày 06 tháng 01 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên truy tố các bị cáo Vũ Đình T và Nguyễn Trí H3 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Vũ Đình T phạm tội thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm và “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Nguyễn Trí H3 phạm tội thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đình T từ 42-48 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trí H3 từ 24- 30 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48- 60 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị hại bao gồm: Bồi thường chi phí khám chữa bệnh (có hoá đơn, chứng từ; chi phí bồi dưỡng sức khoẻ cho người bị thiệt hại; chi phí bị mất, giám sát của người bị thiệt hại; chi phí hợp lý cho người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; chi phí bị mất, giám sát của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị;

bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại 25 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu huỷ: 01 con dao dài dài tổng thể khoảng 57cm, lưỡi dao bằng kim loại tối màu, cán dao bằng gỗ màu nâu hình trụ tròn dài khoảng 14cm, đường kính khoảng 4cm, mũi dao vát nhọn, bản rộng nhất khoảng 06cm (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng).

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên và khai: Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã nhiều lần đến gặp và thỏa thuận với bị hại về việc bồi thường nhưng bị hại không đồng ý hòa giải. Các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường trước tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến bổ sung. Tại đơn yêu cầu (BL 147a), bị hại là anh Trần Văn T2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 186.000.000 đồng (trong đó tiền 80 ngày anh T2 nghỉ làm không có thu nhập là 24.000.000 đồng và tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 160.000.000 đồng). Tại bản kê khai tiền điều trị thương tích của chị Bùi Minh T3 (BL 146) yêu cầu các bị hại phải bồi thường tổng số 116.000.000 đồng. đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại 300.000.000 đồng và xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa của bị cáo Vũ Đình T: Đồng ý với cáo trạng của Viện Kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật truy tố các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng chính sách hình sự khoan hồng đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Các bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở kết luận: Do có nghi ngờ ghen tuông cá nhân, khoảng 12 giờ ngày 03/5/2024, tại khu nhà trọ thuộc thôn D xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố D, phường D, thành phố T, thành phố Hải Phòng), Vũ Đình T đã có hành vi dùng 01 dao bằng kim loại, cán gỗ, dài khoảng 57 cm, đường kính khoảng 4cm, mũi dao vát nhọn, bản rộng nhất khoảng 06cm chém nhiều nhát vào người anh Trần Văn T2. Nguyễn Trí H3 dùng gạch dạng vữa bê tông ném vào người anh T2. Hậu quả anh Trần Văn T2 bị tổn thương cơ thể tỷ lệ 19%. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của người khác, gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định các bị cáo đồng phạm tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[3] Giữa bị cáo T và bị hại không có mâu thuẫn từ trước, chỉ vì nghi ngờ ghen tuông cá nhân, bị cáo T đã dùng dao chém nhiều nhát vào cơ thể gây thương tích và tổn hại cho sức khỏe của bị hại theo kết luận giám định tỷ lệ 19%. Vì vậy, hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự). Bị cáo H3 không được bàn bạc từ trước với bị cáo T nhưng khi chạy vào, thấy T đang giằng co con dao với anh T2, H3 đã dùng gạch dạng vữa bê tông ném vào người anh T2. Hành vi của bị cáo H3 thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, mặc dù không trực tiếp gây thương tích cho anh T2 nhưng vẫn phải chịu chung hậu quả về tỷ lệ thương tích do bị cáo T gây ra cho anh T2. Từ phân tích nêu trên, có đủ căn cứ xác định bị cáo H3 phạm tội Cố ý gây thương tích quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự).

- Về hình phạt:

[4] Xét về nhân thân: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo H3 tự nguyện nộp 10.000.000 đồng vào cơ quan thi hành án bồi thường cho bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T tự nguyện nộp 5.000.000 đồng vào cơ quan thi hành án bồi thường cho bị hại, tuy nhiên số tiền bị cáo nộp không tương xứng với thiệt hại bị cáo gây ra cho bị hại vì vậy không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo.

[6] Xét vai trò thực hiện tội phạm của từng bị cáo: Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, thống nhất thực hiện tội phạm từ trước, không có sự câu kết chặt chẽ, đồng phạm mang tính giản đơn. Bị cáo T là người trực tiếp dùng dao gây thương tích cho bị hại, thực hành tội phạm tích cực nhất. Bị cáo H3 từ ngoài đường chạy vào tiếp nhận ý chí của bị cáo T dùng gạch dạng vữa bê tông ném vào người anh T2, không trực tiếp gây thương tích cho anh T2 nhưng vẫn giữ vai trò thực hành thứ yếu.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, xét tội phạm mà các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, cần xử lý nghiêm và áp dụng đối với các bị cáo một hình phạt thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự các bị cáo đều phải chịu hình phạt tù với mức từ 02 năm đến 06 năm. Từ nhận định [4], [5], [6], Hội đồng xét xử thấy, bị cáo T có vai trò chính trong vụ án nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T cao nhất. Bị cáo H3 vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo H3 thấp hơn bị cáo T.

[8] Xét bị cáo T có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng có vai trò chính, dùng hung khí nguy hiểm, hành vi thực hiện có tính chất côn đồ trực tiếp gây thương tích cho bị hại nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[9] Bị cáo H3 là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường cho bị hại, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có vai trò thứ yếu, hành vi nguy hiểm nhưng không trực tiếp gây thương tích cho bị hại. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo H3 phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo H3 hưởng án treo và giao bị cáo về cho

chính quyền địa phương giám sát, giáo dục theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cũng đảm bảo răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra và truy tố, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số 300.000.000 đồng trong đó bị cáo T phải bồi thường 220.000.000 đồng, bị cáo H3 phải bồi thường 80.000.000 đồng bao gồm chi phí khám chữa bệnh; chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe; chi phí bị mất giảm sút của người bị thiệt hại; chi phí cho người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; chi phí bị mất giảm sút của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; bồi thường tổn thất tinh thần.

Tại phiên toà, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có ý kiến thay đổi, bổ sung yêu cầu.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với yêu cầu bồi thường chi phí khám chữa bệnh (có hoá đơn, chứng từ): 42.277.615 đồng (làm tròn thành 42.278.000 đồng) có căn cứ chấp nhận (1).

Đối với chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại, Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: 21 ngày x 180.000 đồng/ngày = 3.780.000 đồng (2)

Đối với chi phí bị mất, giảm sút của người bị thiệt hại, Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: 21 ngày x 180.000 đồng = 3.780.000 đồng (3)

Đối với chi phí hợp lý cho người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị, Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: 21 ngày x 300.000 đồng = 6.300.000 đồng(4)

Đối với chi phí bị mất, giảm sút của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị, Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: 21 ngày x 180.000 đồng = 3.780.000 đồng(5)

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 160.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo bị thương tích tỷ lệ 19% sức khỏe nên cần chấp nhận yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại 25 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là phù hợp: 25 x 2.340.000 đồng = 58.500.000 đồng. (6)

Từ các phân tích nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bị hại như sau: (1) + (2) + (3) + (4) + (5). (6) = 42.278.000 đồng +

3.780.000 đồng + 3.780.000 đồng + 6.300.000 đồng + 3.780.000 đồng + 58.500.000 đồng = 118.418.000 đồng.

Bị cáo Vũ Đình T phải bồi thường cho anh Trần Văn T2: 88.418.000 đồng. Bị cáo T đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009551 ngày 07/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên, bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại 83.418.000 đồng

Bị cáo Nguyễn Trí H3 phải bồi thường cho anh Trần Văn T2: 30.000.000 đồng. Bị cáo H3 đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009551 ngày 07/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên, bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

[10] Đối với 01 con dao dài tổng thể khoảng 57cm, lưỡi dao bằng kim loại tối màu, cán dao bằng gỗ màu nâu hình trụ tròn dài khoảng 14cm, đường kính khoảng 4cm, mũi dao vát nhọn, bản rộng nhất khoảng 06cm bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về án phí:

[11] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

- Những vấn đề khác:

[12] Trong vụ án này, Vũ Đình T khai nhận sau khi Trần Văn T2 giằng được dao thì lao vào chém T nhưng T đỡ được và giằng co với T2. Quá trình giằng co, T bị xây xước da chảy máu ngón trỏ bàn tay trái, xây xước vùng mặt nhưng không phải điều trị tại cơ sở y tế và không yêu cầu giám định thương tích. Trần Văn T2 không thừa nhận việc khi giằng được con dao đã lao vào chém lại T. Ngoài lời khai của T thì không còn tài liệu nào khác chứng minh nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Vũ Đình T 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trí H3 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí H3 **24 (hai mươi tư)** tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 **(bốn mươi tám)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trí H3 cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố T, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nguyễn Trí H3, kể từ ngày tuyên án (**ngày 04/4/2025**).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Vũ Đình T còn phải bồi thường cho anh Trần Văn T2 số tiền **83.418.000 (Tám mươi ba triệu, bốn trăm mười tám nghìn) đồng**. Buộc bị cáo Nguyễn Trí H3 còn phải bồi thường cho anh Trần Văn T2 số tiền **20.000.000 (hai mươi triệu) đồng**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Văn T2 cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu huỷ 01 con dao dài tổng thể khoảng 57cm, lưỡi dao bằng kim loại tối màu, cán dao bằng gỗ màu nâu hình trụ tròn dài khoảng 14cm, đường kính khoảng 4cm, mũi dao vát nhọn, bản rộng nhất khoảng 06cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Vũ Đình T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và **4.170.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng số tiền án phí bị cáo Vũ Đình T phải nộp là 4.370.900 (Bốn triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, chín trăm đồng)**; bị cáo Nguyễn Trí H3 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và **1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng số tiền án phí bị cáo Nguyễn Trí H3 phải nộp là 1.200.000 (một triệu, hai trăm nghìn) đồng**.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Hạnh

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND TP Thủy Nguyên;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- CQCSĐT- Công an Thành phố Hải Phòng;
- CQTHAHS- Công an Thành phố Hải Phòng;
- Công an Thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Chi cục THA DS TP Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND Thành phố Thủy Nguyên;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- CQCSĐT- Công an Thành phố Thủy Nguyên;
- CQTHAHS- Công an Thành phố Thủy Nguyên;
- Công an Thành phố Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Chi cục THA DS Thành phố Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy